

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HSST

Ngày: 08/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh.

2. Bà Lò Thị Đình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đình Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B; Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/TLST - HS, ngày 03 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 15/6/1976 tại tỉnh B;

Nơi cư trú: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12 phổ thông.

Con ông: Không xác định được bố đẻ và bà Nguyễn Thị N (Đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị H (Đã ly hôn) và có 02 con; con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007 (Hiện đang ở cùng mẹ).

Tiền án: 02 tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân bị cáo: Ngày 29/01/2016, Tòa án Nhân dân thành phố Đ xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 07/4/2016 chấp hành xong bản án; ngày 24/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 30/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp án phí.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019 cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 24/06/2019, Công an Phường N, thành phố Đ làm nhiệm vụ tại khu vực bản Hồng Lú, phường N, thành phố Đ phát hiện Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-247.00 có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy, tổ công tác áp sát, D lập tức thả 01 lọ nhựa từ trong lòng bàn tay phải xuống đường và tiếp tục điều khiển xe đi được khoảng 05 m thì bị khống chế. Tổ công tác yêu cầu D quay lại nhặt chiếc lọ nhựa vừa vứt xuống đường, mở lọ nhựa bên trong có 01 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 viên nén màu hồng, một mặt viên nén có chữ WY;
- 01 hộp nhựa màu trắng hình trụ có nắp màu trắng; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha CYGNUSXR, biển kiểm soát 27B1-24700.

Ngày 24/6/2019, cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng 01 viên nén màu hồng, một mặt viên nén có chữ WY là vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn D có khối lượng là 0,11 gam; gửi toàn bộ vật chứng làm mẫu giám định.

Tại bản kết luận giám định số 709/GĐ-PC09 ngày 01/7/2019, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu gửi giám định là Methamphetamine, có khối lượng 0,11 gam; hoàn lại mẫu vật sau khi giám định 0,07 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D khai và thừa nhận: 01 viên nén màu hồng là Hồng phiến bị tổ công tác bắt giữ là của D mua của người thanh niên tên Hoàng, ở khu vực bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên với giá 50.000 đồng để sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng, trên đường đem về nhà thì bị phát hiện, bắt quả tang và thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số 69/CT-VKSTPĐBP ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố Đ để xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm 0 khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", do đó VKS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng điểm 0 khoản 2 Điều 249; điểm s

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,07 gam Methamphetamine, 01 hộp nhựa màu trắng hình trụ có nắp màu trắng; tịch thu xung Ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha CYGNUSXSR, biển kiểm soát 27B1-24700 + 01 chìa khóa.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản niêm phong, mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 24/06/2019, tại khu vực bản Hồng Lú, phường N, thành phố Đ, Nguyễn Văn D đã có hành vi cất giấu trái phép khối lượng 0,11 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật cần phải xử lý nghiêm. Nguyễn Văn D đã tái phạm tại bản án số 17/HSST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm", vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất mức độ và hậu quả của tội phạm là nghiêm trọng, hành vi mua rồi cất giấu ma túy trái phép để sử dụng của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù; hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng các chất ma túy, làm gia tăng người nghiện ma túy trong xã hội và tiếp tay cho các loại tội phạm, ảnh

hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần được phát hiện kịp thời và áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn D có nhân thân xấu, cụ thể:

Bản thân Nguyễn Văn D nghiện ma túy; ngày 29/01/2016, bị Tòa án Nhân dân thành phố Đ xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 24/11/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" với tình tiết tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; ngày 24/06/2019, tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt "Tái phạm nguy hiểm", quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015; tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tự nhận thức, cải tạo bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản..."*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định; bản thân nghiện, sử dụng chất ma túy nên không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 0,07 gam Methamphetamine còn lại sau giám định, 01 hộp nhựa màu trắng hình trụ có nắp màu trắng là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, là công cụ dùng vào việc phạm tội; tịch thu xung Ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha CYGNUSXS, biển kiểm soát 27B1-24700 là phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[6]. Án phí và các vấn đề khác trong vụ án:

- Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo khai mua ma túy của người thanh niên tên Hoàng, D không biết họ tên đệm và địa chỉ của người thanh niên đó nên không có cơ sở điều tra làm rõ; Viện kiểm sát không truy tố; HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2019.

2. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 0,07 gam Methamphetamine, 01 hộp nhựa màu trắng hình trụ có nắp màu trắng; tịch thu xung Ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha CYGNUSXSR, biển kiểm soát 27B1-24700 + 01 chìa khóa xe. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2019.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.